

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2022/DS-ST
Ngày: 30 - 6 - 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Thụy.
2. Bà Lê Thị Thanh Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố L.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 94/2022/TLST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 185/2022/QĐST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T.

Trụ sở: Số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường T, Quận B, thành phố H

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh S – Giám đốc Ngân hàng T- Chi nhánh A (Giấy ủy quyền số 1361/2021/GUQ-PL ngày 27/12/2021 của Tổng Giám đốc Ngân hàng T).

Ông Nguyễn Văn B – Phó Phòng giao dịch P - Chi nhánh A (Giấy ủy quyền ngày 25/12/2020 của Giám đốc T - Chi nhánh A).

Địa chỉ chi nhánh: Số 33 Trần Hưng Đạo, phường M, thành phố L, tỉnh A.

2. Bị đơn: Bà Võ Thị L, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số 44/5A tổ 7, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh A.

(Ông B có đơn xin vắng mặt, bà L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn trình bày:

Giữa Ngân hàng T - Phòng giao dịch P - Chi nhánh A (sau đây được viết tắt là ngân hàng) và bà Võ Thị L đã ký kết hợp đồng tín dụng số LD1913800336 ngày 18/5/2019 cho vay số tiền 25.000.000 đồng. Mục đích vay tiêu dùng, lãi suất cho vay là 24%/năm tương đương với lãi suất thực tế khoản vay được ấn định theo quy định tại hợp đồng LD1913800336 ngày 18/5/2019, thời gian vay là 24 tháng. Sau khi vay, bà L chỉ thanh toán được số tiền 9.235.173 đồng. Trong đó vốn là 6.246.000 đồng và lãi 2.989.173 đồng thì ngưng.

Nay Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị L thanh toán cho Ngân hàng T tổng số tiền là 36.426.432 đồng (Trong đó vốn gốc là: 18.754.000 đồng; Lãi tạm tính đến ngày 30/6/2022 là: 17.672.432 đồng). Yêu cầu tiếp tục tính lãi quá hạn phát sinh theo hợp đồng tín dụng số LD1913800336 ngày 18/5/2019 từ ngày xét xử đến khi thanh toán xong nợ gốc.

* Bị đơn bà Võ Thị L đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đến nay vẫn không nộp văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

** Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:*

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn B có đơn yêu cầu được vắng mặt.

Bị đơn bà Võ Thị L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố L theo khoản 3 Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn bà Võ Thị L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 44/5A tổ 7, kóm T, phường M, thành phố L, tỉnh A nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố L theo điểm a khoản 3 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Sau khi nhận được quyết định hoãn phiên tòa, ông Nguyễn Văn B là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn nộp cho Tòa án với nội dung đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[1.4] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp và niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bà Võ Thị L theo qui định tại Điều 177 và Điều

179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Võ Thị L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Giữa Ngân hàng T - Phòng giao dịch P - Chi nhánh A (sau đây được viết tắt là ngân hàng) và bà Võ Thị L đã ký kết hợp đồng tín dụng số LD1913800336 ngày 18/5/2019 cho vay số tiền 25.000.000 đồng. Mục đích vay tiêu dùng, lãi suất cho vay là 24%/năm tương đương với lãi suất thực tế khoản vay được ấn định theo quy định tại hợp đồng LD1913800336 ngày 18/5/2019, thời gian vay là 24 tháng. Sau khi vay, bà L chỉ thanh toán được số tiền 9.235.173 đồng. Trong đó vốn là 6.246.000 đồng và lãi 2.989.173 đồng thì ngưng. Do bị đơn là bà L đã vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng số tiền vốn chưa thanh toán của hợp đồng hợp đồng tín dụng số LD1913800336 ngày 18/5/2019 là 18.754.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng tín dụng số LD1913800336 ngày 18/5/2019 thể hiện dưới hình thức văn bản, dựa trên sự tự nguyện, tự thỏa thuận giữa bên cho vay là Ngân hàng T- Phòng giao dịch P- Chi nhánh A và bên vay là bà Võ Thị L. Hợp đồng tín dụng nêu trên đều đã thể hiện rõ về mức cho vay, phương thức cho vay, thời hạn vay, lãi suất, thời gian trả nợ gốc và lãi, quyền và nghĩa vụ của bên cho vay; bên vay... đúng theo quy định tại Điều 466, Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao, hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng T số tiền nợ gốc là 18.754.000 đồng.

Về yêu cầu tính lãi: Ngân hàng T yêu cầu bà Võ Thị L ngoài khoản nợ gốc 18.754.000 đồng phải trả cho ngân hàng còn phải thanh toán số tiền lãi phát sinh từ ngày 01/10/2020 đến ngày xét xử 30/6/2022 là 17.672.432 đồng (Trong đó lãi trong hạn là 11.677.491 đồng, lãi quá hạn là 5.644.954 đồng, lãi phạt quá hạn 349.987 đồng). Yêu cầu tiếp tục tính lãi quá hạn phát sinh theo hợp đồng tín dụng số LD1913800336 ngày 18/5/2019 từ ngày xét xử đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Hội đồng xét xử căn cứ vào hợp đồng tín dụng số LD1913800336 ngày 18/5/2019, Phụ lục các điều khoản chung đính kèm hợp đồng tín dụng, Bảng kê tính lãi ngày 30/6/2022 của Ngân hàng T- Phòng giao dịch P - Chi nhánh A thì bà L vi phạm nghĩa vụ bên vay đối với ngân hàng vào ngày 10/01/2020. Từ ngày 10/01/2020 đến 30/6/2022 hợp đồng vay của bà L chuyển nợ quá hạn với mức lãi suất bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ Luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà L phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng T số tiền lãi tạm tính đến ngày 30/6/2022 là 17.672.432 đồng (Trong đó lãi trong hạn là 11.677.491 đồng, lãi quá hạn là 5.644.954 đồng, lãi phạt quá hạn 349.987 đồng).

Kể từ ngày 01/7/2022 bà L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số LD1913800336 ngày 18/5/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[3] Về án phí:

- Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 262, khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ Luật dân sự;

Điều 91 Luật tổ chức tín dụng;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T

Buộc bà Võ Thị L phải trả cho Ngân hàng T (T chi nhánh A phòng giao dịch P nhận thay) số tiền 36.426.432 đồng (Ba mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm ba mươi hai đồng).

Kể từ ngày 01/7/2022 bà L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số LD1913800336 ngày 18/5/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí:

Ngân hàng T được nhận lại 857.000 đồng (Tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0001116 ngày 29/3/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố L (do T chi nhánh A phòng giao dịch P nhận thay).

Bà Võ Thị L phải nộp 1.821.322 đồng (Một triệu tám trăm hai mươi một nghìn ba trăm hai mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh An Giang;
- VKSND TP. Long Xuyên;
- Chi cục THADS TP. Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Minh Trang